

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo công văn số : _____/LPG-BKS ngày / /2021)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Điều 3. Giải thích các thuật ngữ

Luật Doanh nghiệp : Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): : là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

Điều lệ/Điều lệ Công ty	: Điều lệ của Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam.
Công ty (CT)	: Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam.
Cổ đông lớn	: Là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông theo quy định tại Điều lệ Công ty.
Hội đồng quản trị (HĐQT):	: Hội đồng quản trị Công ty.
Giám đốc (GD)	: Giám đốc Công ty.
Ban kiểm soát (BKS)	: Ban kiểm soát Công ty.
Kiểm soát viên (KSV)	: Là những người có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, được Đại hội đồng cổ đông bầu vào Ban kiểm soát.
Kiểm toán nội bộ (KTNB)	: Bộ phận Kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam.
Đơn vị trực thuộc	: Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty (Chi nhánh Công ty).

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn của Điều 169 của Luật Doanh nghiệp và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là Người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
- e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và Tổng công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng Công ty và tại Công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và làm việc chuyên trách tại Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty quy định. Ngoài ra, Trưởng Ban kiểm soát còn có các quyền và nghĩa vụ sau :

- a) Thay mặt Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty;
- c) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- d) Trao đổi ý kiến với Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc người được ủy quyền) về các nội dung trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi chính thức báo cáo Đại hội đồng cổ đông;
- e) Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của Ban kiểm soát được gửi đến Đại hội đồng cổ đông;
- f) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

- g) Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung và ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- h) Tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch giám sát, kiểm tra theo định kỳ hàng quý, hàng năm sau khi thông qua Đại hội đồng cổ đông;
- i) Chịu trách nhiệm đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; phân công nhiệm vụ cho từng Kiểm soát viên; triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát;
- j) Ủy quyền cho Kiểm soát viên đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban trong thời gian vắng mặt;
- k) Tham dự các cuộc họp giao ban của Công ty, các phiên họp của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên của Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; và từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên., việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
3. Kiểm tra, xem xét các khiếu nại, tố cáo liên quan đến các chức danh lãnh đạo thuộc Hội đồng quản trị và Giám đốc;
4. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
5. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
6. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để xử lý những

trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

7. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
8. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
9. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
10. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty. Đưa ra các kiến nghị, đề xuất cần thiết và phù hợp.
11. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty.
12. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp, vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
13. Thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty và các đơn vị trực thuộc theo kế hoạch hoạt động hàng năm được thống nhất với Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát có quyền cử người tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ do Công ty tổ chức thực hiện ở Công ty và các Đơn vị trực thuộc của Công ty. Đối với các vụ việc phải liên hệ với các tổ chức, cá nhân ngoài Công ty để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát thảo luận với Hội đồng quản trị trước khi thực hiện.
14. Được đảm bảo công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát. Được quyền yêu cầu lãnh đạo Đơn vị trực thuộc, người đại diện của Công ty tại các Đơn vị thành viên cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động của đơn vị mà Ban kiểm soát thấy cần thiết và có trách nhiệm bảo mật các số liệu tài liệu, thông tin được cung cấp. Trong trường hợp cần thiết Trường Ban kiểm soát đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc quyết định việc huy động các chuyên viên, cán bộ quản lý của Công ty tham gia thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát.
15. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
16. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

17. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty. Tham dự các cuộc họp, giao ban, hội nghị sơ kết, tổng kết của Công ty và Đơn vị trực thuộc.
18. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao, có thể tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban kiểm soát cũng như nội dung báo cáo của Ban kiểm soát trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông;
19. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và quy định tại Điều 17 của Quy chế này;
20. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
22. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
23. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
24. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
25. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
26. Tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, nâng cao kiến thức nghề nghiệp theo đề nghị của Ban kiểm soát. Giám đốc có trách nhiệm thông báo cho Ban kiểm soát về kế hoạch tổ chức các nội dung nói trên.
27. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị, các tài liệu do Công ty phát hành, các tài liệu khác gửi đến Hội đồng quản trị phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng các thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo, toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị;
 - d) Tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị: Ban kiểm soát được cung cấp các tài liệu liên quan như đối với thành viên Hội đồng quản trị; có quyền phát biểu ý kiến, kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu Ban kiểm soát có ý kiến khác với những quyết nghị của Hội đồng quản trị, được quyền bảo lưu ý kiến của mình vào biên bản cuộc họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ.;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành. Mối quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành là mối quan hệ giữa hoạt động kiểm soát tính tuân thủ và hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, cụ thể gồm:

1. Quan hệ phối hợp:

Quan hệ phối hợp được thực hiện trên cơ sở thông tin hai chiều giữa Ban kiểm soát và Giám đốc. Giám đốc chủ động cung cấp các thông tin về hoạt động điều hành, Ban kiểm soát chủ động xem xét và đưa ra ý kiến tư vấn cho Giám đốc trong hoạt động điều hành.

2. Quan hệ kiểm soát và giám sát:

- a) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc hoặc người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;
- b) Ban kiểm soát có quyền xem xét tính tuân thủ và tính hợp pháp trong việc ra quyết định của Giám đốc và đánh giá sự phối hợp giữa các thành viên Ban Giám đốc và giữa Ban Giám đốc và người điều hành khác ;
- c) Ban kiểm soát có quyền tham gia vào các cuộc họp của Giám đốc và người điều hành khác hoặc yêu cầu Giám đốc triệu tập cuộc họp bất thường để thông báo các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm tra giám sát mà Ban kiểm soát nhận thấy đã vi phạm quy định của Pháp luật, quy định của Công ty hoặc gây thiệt hại/có nguy cơ gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty và cổ đông;
- d) Khi phát hiện thấy có những điểm không phù hợp trong hoạt động điều hành của Ban Điều hành, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản cho Giám đốc yêu cầu điều chỉnh những điểm không phù hợp đó;
- e) Các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị chuẩn bị trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên phải gửi cho Ban kiểm soát trước ngày tổ chức đại hội 05 (năm) ngày làm việc để thẩm định;
- f) Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Giám đốc chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ;
- g) Các báo cáo Giám đốc gửi tới Hội đồng quản trị phải đồng thời gửi cho Ban kiểm soát;
- h) Giám đốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và các phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- i) Giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của Ban kiểm soát hoặc báo cáo với Hội đồng quản trị những điểm không thống nhất với các kiến nghị của Ban kiểm soát. Giám đốc có

trách nhiệm thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đồng thời thông báo cho Ban kiểm soát những ý kiến chỉ đạo này;

- j) Giám đốc thông báo kịp thời cho Ban kiểm soát khi phát hiện thấy những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại đơn vị.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Mối quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị là mối quan hệ giữa hoạt động kiểm soát tính tuân thủ với hoạt động quản trị Công ty nhằm đảm bảo mọi hoạt động quản trị, điều hành Công ty đều thể hiện tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành;

Công tác quản trị thực hiện việc đề ra các chủ trương chính sách, cơ chế hoạt động, thiết lập tầm nhìn chiến lược và chiến thuật phát triển Công ty theo từng giai đoạn và các chiến lược dài hạn của Công ty; Công tác kiểm soát của Ban kiểm soát là giám sát việc triển khai các chủ trương, chính sách, cơ chế hoạt động và chiến lược phát triển Công ty, giám sát hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị.

1. Quan hệ phối hợp:

- a) Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị thiết lập, áp dụng và duy trì cơ chế phối hợp trực tiếp trong hoạt động quản trị điều hành thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, nhằm đảm bảo Ban kiểm soát luôn có đủ thông tin cần thiết để thực thi chức năng kiểm tra, giám sát, kiểm soát tính tuân thủ và thông báo ngay cho Hội đồng quản trị khi phát hiện có nội dung không phù hợp để Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh kịp thời;
- b) Ban kiểm soát tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các chủ trương, chính sách điều hành Công ty, kiến nghị Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong niên độ tài chính đảm bảo quản lý hiệu quả các nguồn lực.

2. Quan hệ kiểm soát – giám sát:

Ban kiểm soát thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát Hội đồng quản trị trong quản lý và điều hành Công ty, chủ yếu là các nội dung sau:

- a) Ban kiểm soát kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; việc thực hiện các Quy chế quản lý nội bộ đã được ban hành nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty và cổ đông;
- b) Ban kiểm soát có thẩm quyền kiểm tra sự tuân thủ của Hội đồng quản trị theo pháp luật, theo các Nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông; thẩm tra hiệu quả quản lý của Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát có quyền tham gia tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị nhằm kiểm tra tính hợp pháp và hợp lệ về trình tự tiến hành cuộc họp, trình tự ra quyết định của Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông;
- d) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, cung cấp đúng hạn và đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị;
- e) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị vi phạm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả;
- f) Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát của mình đồng thời làm việc với Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết

luận và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra giám sát nội bộ định kỳ hàng quý hoặc đột xuất;

- g) Khi nhận được kết quả kiểm tra, Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát giám sát việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị;
- h) Các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị chuẩn bị trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên phải gửi cho Ban kiểm soát trước ngày tổ chức đại hội 05 (năm) ngày làm việc để thẩm định;
- i) Ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong Báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Các mối quan hệ làm việc khác của Ban kiểm soát

1. Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước

Ban kiểm soát tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành của Pháp luật.

2. Quan hệ với cổ đông

- a) Ban kiểm soát báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- b) Ban kiểm soát có trách nhiệm gửi báo cáo kiểm tra, giám sát, báo cáo các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm soát cho cổ đông lớn và phối hợp với cổ đông lớn trong các cuộc kiểm tra;
- c) Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc khi có yêu cầu của cổ đông lớn kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra cho Hội đồng quản trị và cổ đông lớn. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Quan hệ với các Phòng chức năng của Công ty

- a) Các Phòng chức năng phải phối hợp làm việc, giải trình những nội dung mà Ban kiểm soát nhận thấy cần làm rõ trong các văn bản gửi đến Hội đồng quản trị có liên quan đến lợi ích của Công ty và cổ đông. Trong trường hợp có những vấn đề Ban kiểm soát có ý kiến nhưng các Phòng chức năng vẫn bảo lưu quan điểm thì các Ban phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Giám đốc và Pháp luật nếu những vấn đề đó ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và cổ đông;
- b) Các Phòng phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;
- c) Các Phòng phải cung cấp các biên bản, kết quả làm việc của các đoàn kiểm tra của Công ty và của cơ quan cấp trên (thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đoàn kiểm tra của Tổng Công ty) cho Ban kiểm soát đồng thời với Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- d) Ban kiểm soát có trách nhiệm bảo mật số liệu, tài liệu theo quy định Pháp luật.

4. Quan hệ với bộ phận KTNB và Đoàn kiểm tra giám sát nội bộ của Công ty trong công tác kiểm tra giám sát đơn vị:

Ban kiểm soát, KTNB và Đoàn kiểm tra giám sát nội bộ của Công ty cùng tiến hành hoạt động kiểm tra giám sát tại các đơn vị của Công ty nhưng với chức năng và vai trò, mục đích khác nhau.

a) Quan hệ phối hợp :

- + Bộ phận KTNB và Đoàn kiểm tra giám sát nội bộ của Công ty tham khảo ý kiến Ban kiểm soát trong việc lập kế hoạch kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị hàng năm;
- + Ban kiểm soát, bộ phận KTNB và Đoàn kiểm tra giám sát nội bộ của Công ty cùng tiến hành kiểm tra giám sát các đơn vị theo thời gian và kế hoạch được thống nhất. Trong trường hợp không thể tiến hành cùng thời gian thì Ban kiểm soát sẽ tổ chức kiểm tra, giám sát riêng.

b) Quan hệ kiểm soát và giám sát:

- + Ban kiểm soát có thể sử dụng những số liệu, báo cáo của /KTNB hoặc Đoàn kiểm tra giám sát nội bộ của Công ty, sử dụng nhân sự của Công ty để phục vụ công tác kiểm tra giám sát;
- + Ban kiểm soát có thể có ý kiến về nội dung, phạm vi và kết luận kiểm tra của bộ phận KTNB, Đoàn kiểm tra giám sát nội bộ của Công ty nếu thấy cần thiết;
- + Báo cáo kiểm tra, giám sát của KTNB và Đoàn kiểm tra giám sát nội bộ của Công ty gửi cho Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty phải được cung cấp đồng thời cho Ban kiểm soát.

5. Quan hệ với các Đơn vị trực thuộc:

- a) Lãnh đạo các Đơn vị trực thuộc của Công ty phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;
- b) Ban kiểm soát có trách nhiệm bảo mật số liệu, tài liệu theo quy định Pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam bao gồm 7 Chương, 24 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2021 và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam ban hành ngày.....tháng.....năm.....

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Kim Phượng